TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỤ BẢN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 26/6/2025
Về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Mạnh.

Bà Trần Thị Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hoài là Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-TCDS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ trụ sở: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang H; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

3. Người làm chứng:

+ Ông Trần Xuân N; chức vụ: Nguyên Chủ tịch UBND xã M.

Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định;

+ Ông Trần Văn L; chức vụ: Nguyên Chủ tịch UBND xã M.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N;

+ Ông Vũ Thế G; chức vụ: Nguyên Phó chủ tịch HĐND xã M.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N;

+ Ông Nguyễn Đình D; chức vụ: Nguyên Phó chủ tịch U. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N;

+ Ông Trần Văn C; chức vụ: Nguyên Kế toán ngân sách xã.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N;

+ Ông Đào Văn T; chức vụ: Cán bộ Giao thông thuỷ lợi xã M.

+ Ông Trần Hải A; chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã M;

+ Ông Đinh Quang C1; chức vụ: Nguyên Phó chủ tịch HĐND xã M.

Nơi cư trú: thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Ông Trần Quốc T1; chức vụ: Nguyên Phó chủ tịch UBND xã M;

Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Bà Đào Thị H1, sinh năm 1973; chức vụ: Nguyên Hiệu trưởng trường Mầm non M.

+ Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1964; chức vụ: Trạm trưởng Trạm y tế M1, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Bà Dương Thị T2; chức vụ: Hiệu trưởng Trường tiểu học M, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

+ Bà Lê Thị N1; chức vụ: Hiệu trưởng trường Mầm non Minh Thuận xã M, huyện V, tỉnh Nam Định (khu A + khu B).

+ Bà Chử Thị G1, sinh năm 1986; chức vụ: Công chức tài chính – kế toán xã M.

Tại phiên tòa: Ông K và ông H có mặt, vắng mặt những người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Toà án, nguyên đơn ông Bùi Văn K trình bày:

Vào các năm 2018 và 2020, ông và Ủy ban nhân dân xã M cũ (sau khi sát nhập là Ủy ban nhân dân xã M) có ký kết các hợp đồng kinh tế như sau:

1. Hợp đồng làm mái tôn chống nóng trường Mầm non khu B xã M:

Ngày 28/4/2018, ông K có ký kết 01 Hợp đồng kinh tế với Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã M (cũ) về việc thực hiện xây dựng công trình làm mái tôn khu nhà hai tầng trường mầm non khu B xã M. Nội dung công việc UBND xã M giao

khoán cho ông mua vật liệu xây dựng, phụ kiện tổ chức nhân lực thi công sửa chữa đường ống nước, làm mái tôn chống nóng và một số hạng mục khu nhà hai tầng trường mầm non M (Kênh Đ) xã M, tổng giá trị hợp đồng là 120.508.600 đồng *(Một trăm hai mươi triệu năm trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng).*

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 công trình hoàn thành, ông K cùng ông Trần Xuân N là chủ tịch Chủ tịch UBND xã M và một số cán bộ khác của UBND xã đã tiến hành nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng. Tổng số tiền UBND xã M phải thanh toán cho ông K là **115.008.600 đồng** *(Một trăm mười lăm triệu không trăm linh tám nghìn sáu trăm đồng).*

Sau khi ông Trần Xuân N nghỉ chế độ, năm 2020 đại diện theo pháp luật của UBND xã M (cũ) là: Ông Trần Văn L - Chủ tịch UBND xã M (cũ) tiếp tục ký các hợp đồng sau với ông Bùi Văn K:

2. Hợp đồng đóng khung hương ước nhà văn hóa 10 thôn và trang trí các phòng làm việc trụ sở xã M:

Ngày 28/4/2020, ông K và UBND xã M cũ ký kết Hợp đồng kinh tế về việc thực hiện đóng khung hương ước nhà văn hóa 10 thôn và trang trí các phòng làm việc trụ sở UBND xã M. Công việc UBND xã M giao khoán cho ông K là mua vật liệu, phụ kiện tổ chức nhân lực thi công đóng khung treo hương ước các cơ sở thôn xóm, một số phụ kiện bổ sung phòng một cửa khu công sở UBND xã M, giá trị hợp đồng là 16.500.000 đồng *(Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân xã M đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng. Tổng số tiền UBND xã M phải thanh toán cho ông K là **16.500.000 đồng** *(Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).*

3. Hợp đồng sửa chữa trạm y tế xã M1 (Nay là xã M):

Ngày 10/9/2020, ông K và Ủy ban nhân dân xã M ký kết hợp đồng kinh tế về việc thực hiện xây dựng công trình làm mái tôn sân nhà phía Đông sửa chữa, làm mới cửa sổ, cửa ra vào trạm y tế xã M1. Nội dung công việc cụ thể trong hợp đồng là UBND xã M giao khoán cho ông K mua vật liệu, tổ chức nhân lực thi công làm mái tôn sân nhà phía đông, sửa chữa và đóng mới cửa sổ, cửa ra vào, quét vôi ve nhà,

tường bao trạm y tế xã M tổng giá trị hợp đồng là 235.568.500 đồng *(Hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng)*.

Ngày 05 tháng 12 năm 2020 công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân xã M đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng. Tổng số tiền UBND xã M phải thanh toán cho ông K là 224.568.500 đồng *(Hai trăm hai mươi tư triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng).*

4. Hợp đồng sửa chữa trường tiểu học, trường mầm non, UBND xã M:

Ngày 08/11/2020, ông K và Ủy ban nhân dân xã M tiếp tục ký kết 01 Hợp đồng kinh tế về việc thực hiện xây dựng công trình làm mái tôn nhà vệ sinh, vách phòng đọc trường tiểu học, trường mầm non, sửa chữa, đóng mới, thiết bị trụ sở UBND xã M. Trong hợp đồng thể hiện công việc UBND xã M giao khoán cho ông K mua vật liệu, trang thiết bị tổ chức nhân lực thi công làm mới, sửa chữa một số hạng mục đã bị xuống cấp, hư hỏng trường tiểu học, trường mầm non, trụ sở UBND xã M tổng giá trị hợp đồng là 185.912.000 đồng *(Một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm mười hai nghìn đồng),*

Ngày 20 tháng 12 năm 2020 công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân xã M đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng. Tổng số tiền UBND xã M phải thanh toán cho ông K là 177.412.000 đồng *(Một trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng).*

Tuy nhiên, kể từ ngày các công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng, ông K đã nhiều lần làm văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã M cũ thanh toán tổng số tiền của 04 (bốn) Hợp đồng kinh tế còn nợ là **533.489.100 đồng** *(Năm trăm ba mươi ba triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn một trăm đồng)* cho ông K nhưng đến nay UBND xã M vẫn chưa thanh toán, gây thiệt hại lớn cho ông K. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ông K yêu cầu Toà án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân xã M là cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã M sau khi sáp nhập phải thanh toán cho ông K số tiền nợ gốc 533.489.100 đồng và số tiền nợ lãi là 223.003.939 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông K không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M phải trả số tiền lãi 223.003.939 đồng cho ông.

* Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Toà án, đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã M là ông Phạm Quang H trình bày:

Ủy ban nhân dân xã M là cơ quan hành chính nhà nước, tất cả các khoản thu chi phải theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

Từ ngày 01 tháng 9 năm 2024, UBND xã M được sáp nhập trên cơ sở 03 xã là UBND xã M, UBND xã M và UBND xã T. Ngay sau khi sáp nhập xong, UBND xã M đã kiện toàn các chức danh và tiến hành bàn giao tài chính. Trong hồ sơ bàn giao tài chính của UBND xã M cũ cho UBND xã M mới không có vấn đề công nợ mà ông Bùi Văn K đề cập. Vì vậy, vấn đề công nợ của ông Bùi Văn K, UBND xã M không có cơ sở để giải quyết.

Bốn (04) hợp đồng mà ông Bùi Văn K đưa ra đều được kí kết giữa UBND xã M cũ và ông Bùi Văn K từ năm 2018 và năm 2020 không được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Luật đầu tư công. Theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Các khoản chi ngân sách được bố trí trong dự toán ngân sách năm nào, chỉ được chi trong niên độ ngân sách năm đó. Tất cả 4 hợp đồng đều không đảm bảo đúng quy định của chi xây dựng cơ bản theo luật đầu tư công, không được các cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định dự án. Vì vậy, UBND xã M không có nguồn thu để trả khoản nợ nêu trên cho ông K.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2025, ông Trần Xuân N nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M trình bày: Trong thời gian ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã M, ngày 28/4/2018, ông có đại diện cho UBND xã M ký Hợp đồng kinh tế làm mái tôn khu nhà hai tầng trường mầm non khu B xã M với ông Bùi Văn K. Thời điểm đó trường mầm non khu B xã M đã xuống cấp, bị hỏng hóc, không sử dụng được nữa nên phải sữa chữa. Sau khi ký hợp đồng thì ông K đã tiến hành sửa chữa theo đúng thoả thuận trong Hợp đồng và đến ngày 05/7/2018 thì UBND xã M đã tiến hành nghiệm thu, bàn giao cho bà Đào Thị H1 là hiệu trưởng trường mầm non M để đưa vào hoạt động. UBND xã M dự tính sẽ lấy kinh phí từ nguồn tiết kiệm chi và nguồn thu tại chỗ của địa phương để trả tiền cho ông K. Tuy nhiên, vào ngày 20/11/2018 thì ông gặp tai nạn, bị liệt nửa người nên không tiếp tục công việc được và không có thời gian để bàn giao lại công nợ của ông K cho Chủ tịch mới của xã

được. Ông xác định có ký hợp đồng làm mái tôn khu nhà hai tầng trường mầm non khu B xã M với ông Bùi Văn K với tư cách là đại diện UBND xã, việc chưa thanh toán tiền cho ông K là do lỗi khách quan (ông bị tai nạn). Sau khi ký hợp đồng thì ông K có thực hiện việc thi công xây dựng đúng như hợp đồng và công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Ông đề nghị Tòa án xem xét buộc UBND xã M phải thanh toán các khoản tiền như đơn khởi kiện của ông K.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2025, ông Nguyễn Đình D nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M trình bày: Từ tháng 12 năm 2018 ông được giao nhiệm vụ phụ trách UBND xã M thay cho ông Trần Xuân N bị ốm, phải điều trị dài ngày. Trong thời gian ông phụ trách UBND xã M từ tháng 12/2018 đến tháng 11/2019 thì ông không được ông N bàn giao về khoản tiền còn nợ của ông Bùi Văn K. Ông chỉ tham gia ký biên bản nghiệm thu công trình, không phải là người ký kết Hợp đồng kinh tế với ông K nên việc lấy nguồn tiền nào để thanh toán cho ông K thì ông không biết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2025, ông Trần Văn L nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M trình bày: Trong thời gian ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã M thì ông đã ký kết 03 Hợp đồng kinh tế với ông Bùi Văn K để sữa chữa và xây dựng một số công trình phục vụ cho công tác phòng chống dịch Covid, bố trí phòng làm việc cho Công an chính quy về xã làm việc và hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao. Để thanh toán cho các Hợp đồng kinh tế đã ký kết nêu trên thì UBND xã dự định sẽ lấy nguồn tiết kiệm chi và nguồn thu tại chỗ của địa phương. Nhưng vì tất cả các nguồn thu tập trung cho công tác chống dịch Covid nên đến nay UBND xã M vẫn chưa thanh toán tiền cho ông K. Các công trình do ông K sửa chữa, xây dựng đã được UBND xã M tiến hành nghiệm thu và đưa vào sử dụng kể từ thời điểm nghiệm thu cho đến nay. Các công trình do ông K xây dựng đều đảm bảo đủ điều kiện sử dụng và đã được sử dụng hiệu quả. Lý do UBND xã M chưa bàn giao công nợ cho UBND xã mới sau khi sáp nhập là vì: Tháng 7/2022 ông Trần Văn C là cán bộ tài chính của xã luôn chuyển công tác sang làm kế toán của xã T, bà G1 kế toán của xã M sang kế toán xã M thay ông C. Thời điểm này ông C có bàn giao hồ sơ tài chính kế toán công nợ việc ông K thi công xây dựng cho bà G1 hay không thì ông cũng không nhớ. Nhưng vào ngày 15/8/2023 thì ông C đã bị Công an tỉnh N bắt

tạm giam về tội "Lạm quyền khi thi hành công vụ" và đến tháng 01/2024 thì bản thân ông cũng bị Công an tỉnh N bắt tạm giam về tội "Lạm quyền khi thi hành công vụ". Khi đó ông đang giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã M nên ông và ông C không bàn giao cho ai về khoản công nợ nêu trên của ông K. Ông xác định có ký 03 (ba) hợp đồng với ông Bùi Văn K với tư cách là đại diện UBND xã, việc chưa thanh toán tiền cho ông K là do lỗi khách quan (ông và ông C bị bắt). Sau khi ký hợp đồng thì ông K có thực hiện việc thi công xây dựng đúng như hợp đồng và công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Ông đề nghị Tòa án xem xét buộc UBND xã M phải thanh toán các khoản tiền như đơn khởi kiện của ông K.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 3 năm 2025, ông Trần Văn C nguyên cán bộ kế toán ngân sách xã trình bày: Khi ký kết các Hợp đồng kinh tế với ông Bùi Văn K thì UBND xã M dự định sẽ lấy nguồn thu từ việc tiết kiệm ngân sách và nguồn thu tại chỗ của địa phương, chủ yếu là nguồn thu từ việc bán đất để trả tiền cho ông Bùi Văn K. Tháng 7/2022 ông chuyển sang làm kế toán của xã T còn bà G1 kế toán của xã T sang kế toán xã M thay ông. Thời điểm này ông chưa bàn giao hồ sơ tài chính kế toán công nợ việc ông K thi công xây dựng cho bà G1 vì hồ sơ thi công xây dựng giữa ông K và UBND xã M ông chưa có thời gian bàn giao. Sau đó, giữa UBND xã M và UBND xã T đã thống nhất lịch bàn giao sổ sách, chứng từ kế toán của hai xã cho nhau vào ngày 16/8/2023. Nhưng vào ngày 15/8/2023 thì ông đã bị Công an tỉnh N bắt tạm giam về tội "Lạm quyền khi thi hành công vụ". Vì vậy, toàn bộ hồ sơ, sổ sách, chứng từ kế toán do ông quản lý để ở trong tủ làm việc của ông tại UBND xã và chưa tiến hành bàn giao cho bà G1 là người thay ông làm kế toán tại UBND xã M.

* Tại biên bản lấy lời khai bà Chử Thị G1 trình bày: Bà giữ chức vụ công chức Tài chính - Kế toán xã M giai đoạn từ tháng 7/2022 đến tháng 8/2024, ông C giữ chức vụ công chức Tài chính – Kế toán xã M từ tháng 6/2022 trở về trước. Khi bà thay ông C làm công chức Tài chính – Kế toán xã M thì bà không được ông C bàn giao tài liệu chứng từ kế toán gì về 04 hợp đồng kinh tế mà UBND xã M cũ đã ký kết với ông Bùi Văn K vì vậy bà không được biết gì về nội dung của 04 hợp đồng kinh tế nêu trên.

* Các cơ quan chuyên môn: Phòng T3, Phòng Kinh tế hạ tầng huyện V và Phòng G2 Kho bạc nhà nước khu vực IV đều có ý kiến: UBND xã M là cơ quan hành chính nhà nước, tất cả các khoản thu, chi phải thực hiện theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước; Luật đầu tư công; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ. Với các hợp đồng mà UBND xã M đã ký kết với ông K thì chưa đủ căn cứ để thẩm tra, quyết toán dự án hoàn thành; Các dự toán chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung các dự toán không xác định được nguồn vốn, không biết chi từ nguồn nào và chưa đủ điều kiện để thanh toán.

* Tại biên bản lấy lời khai của những người làm chứng: Bà Dương Thị T2 là Hiệu trưởng trường tiểu họM, ông Trần Văn D1 là Trạm trưởng trạm y tế, bà Đào Thị H1 - Nguyên hiệu trưởng trường mầm noM (khu A + Khu B); bà Lê Thị N1 là Hiệu trưởng trường mầm non M đều trình bày: Các công trình ông K xây dựng, sửa chữa đã được đưa vào sử dụng đảm bảo chất lượng, đã được bàn giao và sử dụng đến nay không xảy ra hỏng hóc và phải thay thế gì.

Tại phiên tòa:

Ông K và ông H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sựĐiều 280; Điều 351 của Bộ luật D2 sựNghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1430-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn K.

2. Buộc Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định phải trả cho ông Bùi Văn K số tiền là 533.489.100 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn một trăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm Ủy ban nhân dân xã M phải nộp 25.339.564 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn K số tiền mà ông K đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Ủy ban nhân dân xã M là bị đơn trong vụ án có địa chỉ tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Hợp đồng ký kết giữa cá nhân ông Bùi Văn K và Ủy ban nhân dân xã M đều ghi là Hợp đồng kinh tế nhưng ông K là công dân, không có tư cách pháp nhân đại diện cho doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân xã M là cơ quan hành chính Nhà nước; mục đích ký kết các hợp đồng của Ủy ban nhân dân xã với cá nhân ông K không vì mục đích kinh doanh vì vậy xác định đây là quan hệ pháp luật dân sự có yếu tố quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư công. Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Bùi Văn K yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M phải thanh toán 533.489.100 đồng tiền sửa chữa, thi công xây dựng do đó đây là quan hệ pháp luật dân sự "*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng",* Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tính pháp lý và việc thực hiện hợp đồng:

Lời khai của các đương sự cùng với lời khai của tất cả những người làm chứng và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đều thừa nhận trong các năm 2018 và 2020, ông Bùi Văn K và UBND xã M (cũ) đã ký kết 04 hợp đồng với nội dung thực hiện nhiều hạng mục công trình xây dựng và sửa chữa như: Làm mái tôn khu nhà hai tầng trường mầm non M; làm mái tôn sân nhà phía đông, sửa chữa cửa ra vào, cửa sổ trạm y tế; làm mái tôn nhà vệ sinh, vách phòng đọc tại trường tiểu học, trường mầm non; sửa chữa trụ sở UBND xã và trang trí các phòng làm việc, cùng việc đóng khung hương

ước tại nhà văn hóa 10 thôn. Các hợp đồng đã được chủ tịch UBND xã cùng ông K ký kết, trong từng hợp đồng đều ghi rõ nội dung công việc, giá trị hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng, phương thức thanh toán và trách nhiệm, quyền hạn của mỗi bên.

Sau khi ký hợp đồng, ông K đã thi công và hoàn thành các hạng mục công trình theo hợp đòng, UBND xã đã có biên bản nghiệm thu. Theo kết luận của các biên bản nghiệm thì phía ông K đã hoàn thành công việc theo đúng hợp đồng đã ký kết. Các hạng mục theo hợp đồng đã ký kết và các công trình ông K thi công, xây dựng được đưa vào sử dụng lần lượt vào các ngày 05/7/2018, 20/5/2020, 05/12/2020 và 20/12/2020. Việc nghiệm thu và sử dụng công trình thể hiện rõ việc hợp đồng đã được thực hiện trên thực tế, đáp ứng yêu cầu sử dụng của UBND xã M. Tổng số tiền ông K đã sửa chữa, thi công xây dựng các hạng mục cho UBND xã theo 04 (bốn) hạng mục đã ký kết là 533.489.100 đồng.

Tuy nhiên, đến nay UBND xã M cũ (nay là UBND xã M) vẫn chưa thanh toán cho ông K số tiền 533.489.100 đồng từ các hợp đồng nêu trên. Việc chậm thanh toán này là hành vi vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K. Vì vậy, ông K khởi kiện yêu cầu UBND xã phải thanh toán cho ông số tiền 533.489.100 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của ông K và quyền, nghĩa vụ kế thừa của UBND xã M:

Sau khi sáp nhập theo chủ trương của Nhà nước, UBND xã M là đơn vị hành chính kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ pháp lý của UBND xã M. Do đó, UBND xã M có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ mà UBND xã M đã phát sinh hợp pháp trước thời điểm sáp nhập.

Đối với ý kiến của UBND xã M cho rằng các Hợp đồng kinh tế mà UBND xã M đã ký kết với ông Bùi Văn K không có phê duyệt, không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đầu tư công, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù trong quá trình ký kết, các hợp đồng chưa tuân thủ đầy đủ trình tự theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Luật đầu tư công và các Nghị định của Chính phủ: Không có quyết định phê duyệt dự toán, không có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, không có dự toán được giao bởi cấp có thẩm quyền, không có nguồn ngân sách bố trí rõ ràng trong niên độ ngân sách tương ứng vv… tuy nhiên các hợp đồng đã được thực hiện trên thực tế, cụ thể: UBND xã M và ông Bùi Văn K có ký 04 hợp đồng do chủ tịch

Ủy ban nhân dân xã thời điểm đó ký; Thực tế ông K có làm mái tôn chống nóng trường mầm non khu B xã M; Có đóng khung hương ước nhà văn hóa 10 thôn; Có sửa chữa trạm y tế xã và sửa chữa trường tiểu học, trường mầm non, UBND xã M. Toàn bộ các công trình ông K làm đã được nghiệm thu, bàn giao công trình và đưa vào sử dụng công khai. Hơn nữa, UBND xã M (cũ) là bên chủ thể ký kết đã thụ hưởng trực tiếp giá trị từ các công trình trên, không có khiếu nại về chất lượng thi công, khối lượng hay đơn giá. Như vậy, các Hợp đồng đã ký kết giữa UBND xã M và ông Bùi Văn K đã phát sinh hiệu lực, ông K đã hoàn thành xong nghĩa vụ thi công xây dựng của mình và bàn giao các công trình nêu trên cho UBND xã M để đưa vào sử dụng là đúng thực tế.

Đồng thời, việc lãnh đạo UBND xã M và cán bộ kế toán ngân sách xã không bàn giao khoản công nợ của ông K cho UBND xã M khi sáp nhập được xác định là có phần lỗi chủ quan trong việc quản lý hành chính, đồng thời cũng có yếu tố khách quan (Ông Trần Xuân N gặp tai nạn bị liệt nửa người; ông Trần Văn L và ông Trần Văn C bị tạm giam trước ngày bàn giao). Tuy nhiên, đây không phải là lỗi của ông K, vì vậy không thể là căn cứ để từ chối nghĩa vụ thanh toán từ phía cơ quan nhà nước kế thừa. UBND xã M, với tư cách là chủ thể kế thừa quyền và nghĩa vụ pháp lý của UBND xã M, phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ khoản nợ gốc cho ông Bùi Văn K. Việc không bàn giao công nợ không thể làm mất đi nghĩa vụ đã phát sinh theo hợp đồng đã được thực hiện trên thực tế. Do đó, cần buộc UBND xã M phải trả cho ông Bùi Văn K số tiền 533.489.100 đồng theo quy định tại Điều 361, Điều 419 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về trách nhiệm cá nhân:

Các hợp đồng ký kết giữa UBND xã M (cũ) và ông Bùi Văn K được ký kết trong các năm 2018 và 2020 đều không tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định của Chính phủ… Trách nhiệm chính thuộc về Chủ tịch UBND xã M tại thời điểm ký kết (gồm ông Trần Xuân N và ông Trần Văn L), là những người đại diện theo pháp luật, đã quyết định việc ký hợp đồng và triển khai thực hiện các công trình khi chưa đảm bảo đầy đủ điều kiện pháp lý. Đồng thời, ông Trần Văn C – nguyên kế toán tài chính ngân sách xã – là người tham mưu, theo dõi tài chính, nhưng đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, không tham mưu đúng quy định, không phản ánh công nợ vào hồ sơ tài chính và không thực hiện bàn giao chứng từ kế toán khi luôn chuyển từ UBND xã M đến làm việc tại UBND xã T, gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước.

Hành vi nêu trên thể hiện thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý tài chính, ngân sách và đầu tư công ở cấp xã, cần được kiểm điểm, xem xét trách nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Vì vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị:

UBND huyện V, nơi trực tiếp quản lý UBND xã M, chỉ đạo tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với ông Trần Xuân N, ông Trần Văn L và ông Trần Văn C về những sai phạm nêu trên trong công tác quản lý, ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế khi còn đương chức và xử lý theo quy định của pháp luật.

Việc ký kết các hợp đồng kinh tế không đúng trình tự, thủ tục đầu tư công là sai phạm có trách nhiệm từ Chủ tịch UBND xã và kế toán ngân sách xã. Tuy nhiên, các công trình đã hoàn thành, được nghiệm thu và đưa vào sử dụng nên nghĩa vụ dân sự với bên thi công vẫn phát sinh. Việc xử lý trách nhiệm cá nhân các cán bộ nêu trên sẽ được thực hiện độc lập theo quy định về cán bộ, công chức hoặc pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán của UBND xã M đối với ông Bùi Văn K.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân xã M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sựĐiều 280; 351, 361, 419 của Bộ luật D2 sựNghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1430-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1104/NQ-UBTVQH15 ngày 23/7/2024 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Nam Định.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn K.

Buộc Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định phải trả cho ông Bùi Văn K số tiền là 533.489.100 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân xã M phải nộp 25.339.564 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn K số tiền mà ông K đã nộp tạm ứng án phí 17.130.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000959 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Vụ Bản;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Vụ Bản;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Gấm